TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **34** /2022/HS - ST
Ngày: 24-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thơm
Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà **Quách Thị Khuyến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Ông **Lê Trần Thọ -** Kiểm sát viên.

Ngày 24/01/2022 tại Hội trường xét xử A – Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2022/HSST ngày 06 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXX-HS ngày 11/01/2022 và thông báo về việc thay đổi Hội thẩm nhân dân đối với bị cáo:

Trần Quốc V - sinh năm 1975 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: số 254/N, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: lao động tự do; Văn Hoá: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: thiên chúa; Họ tên cha: Trần Đức V – (chết); Họ tên mẹ: Phạm Thị N, Sinh năm 1951. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 05 anh chị em; Bị cáo có vợ tên là Trần Kim H, sinh năm: 1975, bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

* *Bị hại:* bà Nguyễn Thị D (đã chết)

* *Đại diện hợp pháp cho bị hại*: ông Vũ Duy V, sinh năm: 1949; bà Vũ Thị Tuyết N – sinh năm 1970; ông Vũ Thái S – sinh năm 1974; ông Vũ Quốc V – sinh năm 1976; ông Vũ Mạnh H – sinh năm 1979; ông Vũ Anh D – sinh năm 1983; bà Vũ Thị Tuyết T – sinh năm 1985. Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo V có mặt, ông V, chị N, anh S, anh V, anh H, anh D, chị T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 15 phút ngày 17/6/2021, Trần Quốc V điều khiển xe ba gác máy tự chế không có biển kiểm soát chở phân bón lưu thông trên đường Đ - G theo hướng G đi X. Khi đi đến Km 01^{+200}, đường Đ - G thuộc ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai là đoạn đường cong về bên trái theo hướng lưu thông hướng G đi X; cùng lúc này có xe máy biển số 60FK-9599 do bà Nguyễn Thị D sinh năm 1948, trú ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai điều khiển lưu thông cùng chiều phía trước.

Do không chú ý quan sát phía trước nên phần bên phải đầu thùng xe ba gác máy tự chế do Trần Quốc V điều khiển va đụng vào xe đuôi xe máy 60FK-9599 làm xe 60FK-6599 và bà Nguyễn Thị D ngã xuống mặt đường, bị kéo vào gầm xe ba gác tự chế và tiếp tục bị xe ba gác kéo lê trên mặt đường một đoạn mới dừng lại. Bà Nguyễn Thị D được Trần Quốc V đưa đi cấp cứu, tuy nhiên bà Nguyễn Thị D đã tử vong trên đường đi cấp cứu. Ngày 23/6/2021, Trần Quốc V đến Công an huyện T đầu thú về hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Kết quả khám nghiệm hiện trường sau khi tai nạn giữa xe ba gác máy tự chế và xe gắn máy biển số 60FK-9599 như sau:

- Vụ tai nạn xảy ra trên đoạn đường cong, mặt đường bê tông nhựa phẳng rộng 5,2m; hai chiều xe chạy không có vạch sơn kẻ phân chia chiều đường. Ven đường hướng G đi X có biển báo số W201a (biển báo đoạn đường cong) và biển báo W207b (biển báo giao nhau với đường không ưu tiên)

- Vệt chà dài 7,9 mét ký hiệu là (1) ; Vết cày dài 7 mét ký hiệu là (2); Xe ba gác máy ký hiệu là (3); xe 60FK - 9599 ký hiệu là (4).

Điểm mốc hiện trường là điểm trên gốc cột điện số 01 trong lề phải chiều đường Quốc Lộ 20 đi X, mặt tiếp diện có điểm song song và vuông góc với mặt đường. Lấy mép mặt đường bên phải chiều đường Quốc Lộ 20 đi X làm lề chuẩn để đo vẽ và mô tả hiện trường theo phương pháp cuốn chiếu.

- Vết chà dài 7,9 mét (ký hiệu 01) màu đen bám dính mặt đường rộng 0,06cm, đầu vết hướng Quốc lộ 20, đo vuông góc vào lề phải là 01 mét, đầu vết hướng X đo vuông góc vào lề phải là 0,3 mét, đo đến đầu vết cày là 02 mét

- Vết cày dài 7 mét, rộng 0,01m (ký hiệu 02) (cày xước nhẹ trên lớp nhựa mặt đường), đầu vết cày nằm tiếp giáp với mép đường lề phải từ đầu vết đo đến tâm đầu vết chà (đầu vết hướng Quốc lộ 20) là 5,8 mét, cuối vết cày là điểm tiếp giáp giữa mặt đường với đầu gác chân trước bên phải xe gắn máy biển số 60FK-9599.

- Xe ba gác máy (ký hiệu 03) sau tai nạn dừng lại trên mặt đường, đầu xe hướng X quay chếch vào lề trái, đuôi xe hướng Quốc Lộ 20 quay chếch vào lề phải. Hình chiếu tâm trục bánh sau đo vuông góc vào mép đường lề phải là 1,6 mét và đo đến tâm đầu vết chà (đầu vết hướng X) là 2,8 mét, hình chiếu tâm trục bánh trước bên phải đo vuông góc vào mép đường lề phải là 01 mét và đo đến hình chiếu tâm trục bánh sau xe gắn máy biển số 60FK-9599 là 01 mét.

- Xe gắn máy biển số 60FK-9599 (ký hiệu 04) sau tai nạn nằm ngã về bên phải, đầu xe hướng X quay chếch vào lề trái, đuôi xe hướng Quốc lộ 20 và nằm dưới gầm xe ba gác máy quay chếch vào lề phải, hình chiếu tâm trục bánh sau đo vuông góc vào mép đường lề phải là 3m; hình chiếu tâm trục bánh trước đo vuông góc vào mép đường lề phải là 04 mét.

Kết quả khám nghiệm xe gắn máy biển số 60FK-9599: Xe không có gương chiếu hậu, đầu tay cầm lái bên phải chà xước diện tích dài 02cm, rộng 03cm. Đèn chuyển hướng trước bên phải vỡ chụp đèn bao ngoài; cần phanh bên phải gãy đoạn đầu tay cầm dài 3cm. Đầu gác chân trước bên phải mài mòn lõi kim loại, rách mủ cao su bao ngoài. Cụm đèn chuyển hướng phía sau bên phải vỡ khung, cụm đèn mặt tiếp diện bên phải mài mòn diện tích dài 6cm, rộng 3cm. Cụm đèn đuôi xe vỡ, bung rời vị trí. Khung vành cụm đèn móp thụng vào trong hướng từ sau ra trước theo chiều của thân xe. Hệ thống máy, tay lái, phanh chân hoạt động bình thường.

Kết quả khám nghiệm xe ba gác máy tự chế không có biển số: Trên xe ba gác máy chở 20 bao xơ dừa, hai thùng giấy chứa cây hoa hồng, mỗi thùng cao 70 cm, rộng 50cm. Mặt trước bên phải thành thùng phía trước của xe dính vết nhựa màu đỏ bám dính trên thành thùng và nhiều vết vỡ nhỏ rơi vãi trên thành xe diện tích dài 20cm, rộng 15cm. Tâm vết cách mặt đường 60cm. Xe nổ máy, hệ thống tay lái, phanh hoạt động bình thường.

- Kết luận giám định về tử thi số 207/TT/2021 ngày 05/7/2021 Trung tâm pháp y Sở Y tế Đồng Nai: bà Nguyễn Thị D bị đa vị trí tổn thương: ngực, bụng, lưng và tay chân; Đa hình thái tổn thương: Xây xát, bầm tím, tụ máu, gãy xương, dập rách nhu mô phổi, vỡ gan phức tạp, chảy máu; Nguyên nhân chết: Đa chấn thương; chấn thương bụng gây vỡ gan phức tạp, chảy máu ổ bụng; Chấn thương ngực gây gãy xương ức, gãy xương sườn số 3 đến 7 bên phải, dập rách nhu mô phổi phải, chảy máu khoang ngực.

- Kết luận giám định số 1795/KLGĐ-PC09 ngày 15/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai: Cụm dấu vết nứt vỡ, trượt xước, mài mòn tại ốp nhựa cụm đèn báo hãm cùng đèn báo tín hiệu chuyển hướng phía sau của xe máy biển số 60FK-9599 có chiều hướng dấu vết từ sau về trước, từ phải sang trái, hình thành do quá trình va chạm với phía trước góc bên phải thành thùng romooc tự chế của xe ba gác máy khi hai xe va chạm trong trạng thái cùng chiều lưu thông; Hệ thống dấu vết nứt vỡ, trượt xước, mài mòn tại các chi tiết bên phải: đầu tay cầm lái, đèn báo tín hiệu chuyển hướng phía trước và sau, đầu khung gác chân trước, mặt ngoài ống xả cùng mặt ngoài yên sau của xe máy biển số 60FK-9599 có chiều hướng dấu vết từ trước ra sau, từ phải sang trái, hình thành do quá trình va chạm với mặt đường khi xe ngã.

- Kết luận giám định tư pháp số 139/TTĐKXCG ngày 29/11/2021 của trung tâm đăng kiểm xe cơ giới của Sở giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai kết luận: Hiện trạng động cơ trước lúc tháo ra kiểm tra dung tích xy lanh: chưa có dấu hiệu tháo lắp. Sau khi tháo đo được đường kính xy lanh là 50mm, hành trình lên xuống của pit tông là 55mm, dung tích sau khi tính toán là 108 cm^3. Xe 03 bánh không có biển số, không xác định được số khung, số máy, thuộc diện không rõ nguồn gốc nên được xác định là xe chở hàng 03 bánh gắn máy tự chế. Vì là xe tự chế nên không cấp giấy phép lái xe đối với loại phương tiện này.

Quá trình điều tra, Trần Quốc V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên

Tại bản cáo trạng số: 01/CT. VKS – TN ngày 31/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Trần Quốc V về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 260 BLHS; Đề nghị phạt bị cáo Trần Quốc V mức án từ 02(hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù xét cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo đã gây gây ra, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang phải nuôi mẹ già và con nhỏ, vợ bị bệnh thường xuyên. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[**1**] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và đại diện bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[**2**] Tại phiên tòa bị cáo Trần Quốc V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Vào lúc 9 giờ 15 phút sáng ngày 17/6/2021, Trần Quốc V điều khiển xe chở hàng ba bánh gắn máy tự chế không biển số, không có số khung số máy và không có bằng lái đối với loại phương tiện này lưu thông trên đường liên xã Đ – X theo hướng Gia Kiệm đi X, đến khi đi đến Km01^{+200} đoạn qua ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai là đoạn đường cong về phía bên trái do không đảm bảo khoảng cách an toàn với xe chạy liền phía trước nên đã va đụng vào đuôi xe mô tô biển số 60FK-9599 do bà Nguyễn Thị D điều khiển phía trước làm bà D ngã xuống đường, hậu quả bà D tử vong trên đường đi cấp cứu.

[**3**] Xét lời khai nhận tội của bị cáo V phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn giao thông là do bị cáo (*đưa xe cơ giới tự chế không đảm bảo tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ, điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định)*, không chấp hành các quy tắc an toàn giao thông

đường bộ, vi phạm khoản 4, khoản 9 Điều 8, Luật Giao thông đường bộ. Hậu quả làm bà Nguyễn Thị D đã tử vong trên đường đi cấp cứu.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Quốc V đã vi phạm khoản 4, khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ và gây hậu quả nghiêm trọng làm bà D tử vong nên đã phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" với tình tiết định tội "*Làm chết người*" với tình tiết định khung (*không có giấy phép lái xe theo quy định*) quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Cáo trạng số 01/CT.VKS-TN ngày 31/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Trần Quốc V về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội và không oan sai cho bị cáo.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây thiệt hại về tính mạng của công dân, nguyên nhân chính gây ra vụ tại nạn là do lỗi của bị cáo nên cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Việc đưa bị cáo V ra xét xử là cần thiết, cần có mức án đủ nghiêm, tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra nhằm giáo dục bị cáo chấp hành nghiêm pháp luật và răn đe phòng ngừa chung.

[**4**] *Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo*:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã tích cực bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, được đại diện hợp pháp của bị hại viết giấy bãi nại về dân sự, đại diện hợp pháp bị hại có đơn đề nghị xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo có học vấn thấp, nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn đang phải nuôi mẹ già và con nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[**5**] *Về quyết định hình phạt*: Hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội (làm một người chết). Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, nhận thấy bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, bị cáo được công an nơi cư trú xác nhận ngoài lần phạm tội này bị cáo chấp hành tốt chủ chương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của địa phương đề ra; bị cáo không thuộc trường hợp được quy định tại Điều 3 nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của HĐTP –TANDTC hướng dẫn Điều 65 của BLHS về án treo, bị cáo có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ xét không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo về nơi cư trú giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách là đủ sức răn đe.

[**6**] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo Trần Quốc V đã tự nguyện bồi thường để bù đắp một phần về vật chất và tinh thần cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Đại diện hợp pháp của bị hại có đơn bãi nại về trách nhiệm dân sự, nên HĐXX không phải xét trong phần quyết định của bản án.

[**7**] Về vật chứng vụ án: 01 xe ba gác trở hàng ba bánh gắn máy tự chế không biển số cần tịch thu bán đấu giá sung ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] *Về quyền kháng cáo đối với bản án*: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Quốc V** phạm tội: *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"*.

Xử phạt bị cáo **Trần Quốc V** 03(ba) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách của bị cáo là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 24 tháng 01 năm 2022.

Giao bị cáo **Trần Quốc V** cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Trần Quốc V thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46 BLHS năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu 01 (một) xe ba gác chở hàng ba bánh gắn máy tự chế không biển số bán đấu giá sung ngân sách nhà nước.(*vật chứng đang được lưu giữ tại cơ quan thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05 tháng 01 năm 2022 giữa Công an huyện Thống Nhất và chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất).*

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Quốc V phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND T.Đồng Nai;
- VKSND H.Đồng Nai;
- Công an H.T
- Chi cục THADS H. T;
- bị cáo; đại diện hợp pháp bị hại
- Lưu H.s; AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Quang Phúc